

SỬ DỤNG NGŨ LIỆU THỰC LÀM NGUỒN TÀI LIỆU BỔ SUNG ĐỂ GIẢNG DẠY TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH CHO SINH VIÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG, TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

USING AUTHENTIC MATERIALS AS AN ADDITIONAL SOURCE FOR TEACHING STUDENTS OF ENVIRONMENTAL ENGINEERING AT UNIVERSITY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY - THE UNIVERSITY OF DANANG

Trần Vũ Mai Yên, Huỳnh Trúc Giang

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng; tvmyen@ufl.udn.vn, htgiang@ufl.udn.vn

Tóm tắt - Bài báo khảo sát quá trình giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành (TACN) Môi trường tại Trường Đại học Bách khoa - Đại học Đà Nẵng (ĐHBK-ĐHĐN) bằng cách sử dụng giáo trình và ngữ liệu thực. Khảo sát cho thấy các sinh viên chuyên ngành Môi trường thích ngữ liệu thực được bổ sung vào chương trình học vì chúng tạo cơ hội tham gia vào hoạt động thú vị và đầy thách thức liên quan đến các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết. Một khía cạnh quan trọng khác của ngữ liệu thực là chúng tạo điều kiện cho sự sáng tạo của giáo viên. Tuy nhiên, cần xem xét kỹ lưỡng trước khi áp dụng ngữ liệu thực bởi chúng có thể chứa các cấu trúc ngữ pháp phức tạp và từ vựng khó, dễ gây nản chí cho sinh viên, đặc biệt là những em có trình độ còn non yếu. Việc sử dụng thêm nguồn ngữ liệu thực này đòi hỏi khá nhiều thời gian và công sức của cả giáo viên và sinh viên.

Từ khóa - ngữ liệu thực; tiếng Anh chuyên ngành Môi trường; giáo trình; sự sáng tạo; hoạt động.

Abstract - This article explores the process of teaching English for students of Environmental Engineering at University of Science and Technology - The University of Danang by using textbooks and authentic materials. The survey has found that students of Environmental Engineering prefer authentic materials to be added to the curriculum because they provide an opportunity to engage in interesting and challenging activities related to listening, speaking, reading and writing. Another important aspect of authentic material is that they facilitate the creativity of the teacher. However, careful consideration should be given before applying the authentic materials because they may contain complex grammatical structures and difficult vocabulary which can discourage students, especially those who are at low level of English. The use of these authentic materials requires quite a lot of time and energy from both teachers and students.

Key words - authentic materials; English for students of Environmental Engineering; textbooks; creativity; activities

1. Đặt vấn đề

Tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp ở Việt Nam cũng như trên thế giới, TACN thường được giảng dạy sau khi người học đã đạt được một trình độ nhất định về tiếng Anh đại cương (TAĐC). Nhờ đó, sinh viên có thể tự tìm tòi, tham khảo và trình bày các vấn đề chuyên môn một cách tự tin bằng tiếng Anh. Đứng về khía cạnh tài liệu, phương pháp giảng dạy và vai trò của người dạy – người học thì TACN có những đặc thù riêng, liên quan chặt chẽ đến ngành học của sinh viên và vượt trội hơn TAĐC.

Theo Carver [1, tr. 134], TACN chú trọng đến việc biến người học thành người sử dụng. Harding [4, tr. 6] thì cho rằng trong TACN, mục đích của người học là quan trọng nhất và liên quan trực tiếp đến những gì học viên cần làm trong nghề nghiệp của họ. Để phục vụ những nhu cầu cụ thể về dạy và học tiếng Anh, TACN chủ yếu tập trung vào các kỹ năng ngôn ngữ, cấu trúc, chức năng và từ vựng, vốn rất cần thiết đối với các học viên cho các mục tiêu chuyên môn và môi trường nghề nghiệp. Tuy nhiên, như Hutchinson và Waters [5, tr. 19] đã nhấn mạnh, TACN không phải là một loại ngôn ngữ hay phương pháp cụ thể nhưng lại là cách tiếp cận với việc học ngôn ngữ dựa trên nhu cầu người học.

Hiện nay, các nghiên cứu so sánh về dạy tiếng Anh đang ngày càng trở nên quan trọng giữa các nhà nghiên cứu và giáo viên, nhằm chỉ ra các khía cạnh giảng dạy khác nhau, do đó tái tạo và cải tiến chương trình học tiếng Anh trong các chương trình giảng dạy khác nhau tại các khoa khác nhau trên khắp thế giới. Nghiên cứu này tập trung vào việc áp dụng tài liệu thực tế vào cách giảng dạy TACN cho sinh viên Trường ĐHBK-ĐHĐN. Trong đó, ngữ liệu thực

là nguồn tài liệu được tạo ra không phải với mục đích giảng dạy, mà được lấy từ đời sống thực do người sử dụng tiếng Anh như tiếng mẹ đẻ thực hiện, và khi đem vào lớp học, nó được giữ nguyên thể thức và hình dạng. Với đặc thù của TACN, liệu ngữ liệu thực có giải quyết được những vướng mắc của người học không? Mục đích của bài báo là kiểm tra một số khía cạnh của việc sử dụng ngữ liệu thực, lợi thế và bất lợi của chúng so với giáo trình và phương pháp truyền thống. Dữ liệu được thu thập thông qua các bảng câu hỏi và phỏng vấn.

2. Giải quyết vấn đề

2.1. Cơ sở lý thuyết

2.1.1. Khái niệm về TACN

Thuật ngữ TACN được Johns và các cộng sự [6, tr. 298] cho là đối nghịch với thuật ngữ TAĐC (General English). Hutchinson và Waters [5, tr. 19] khẳng định rằng TACN là một cách tiếp cận để giảng dạy ngôn ngữ, trong đó tất cả các quyết định về nội dung và phương pháp dựa trên mục đích học tập của người học.

Ngoài ra, Robinson [8] cho rằng các khóa học về TACN thường khảo sát, phân tích nhu cầu để xác định rõ người học cần phải học được gì qua việc học tiếng Anh.

2.1.2. Khái niệm về ngữ liệu thực

Ngữ liệu thực được định nghĩa là những tài liệu lấy từ đời sống thật và không phải được viết cho mục đích sư phạm [11, tr. 145]. Vì vậy, ngữ liệu thực được viết cho người sử dụng tiếng Anh như ngôn ngữ mẹ đẻ và nội dung thật, không có sự chỉnh sửa.

Khi nhắc đến ngữ liệu thực, các bài báo và tạp chí thường được đề cập đầu tiên. Tuy nhiên, loại ngữ liệu này cũng có thể bao gồm những thể loại như bài hát, phim ảnh, tờ rơi, áp-phích và bất cứ thứ gì được viết bằng ngôn ngữ đích và không được chỉnh sửa khi đem vào lớp học.

Có nhiều loại tài liệu thực khác nhau, có thể được quy về các nhóm chính như sau:

- Đồ vật;
- Các văn bản in (sách, báo);
- Các loại hình ảnh khác nhau (ảnh, áp-phích);
- Vật liệu đa phương tiện (băng âm thanh, băng hình, đĩa CD, DVD, các chương trình trên máy tính).

2.2. Vai trò của giáo viên, sách giáo khoa và các nguồn tài liệu trong việc giảng dạy TACN

2.2.1. Vai trò của giáo viên

Một vấn đề thường xuyên được đề cập đối với giáo viên TACN là liệu họ có cần phải là chuyên gia trong lĩnh vực môn học không. Nhiều lý thuyết cho rằng, họ là giáo viên tham gia giảng dạy tiếng Anh như một ngoại ngữ và không bắt buộc phải có kiến thức chuyên ngành. Tuy nhiên, giáo viên TACN cũng nên có khả năng tích hợp kiến thức của sinh viên về chuyên ngành, hoặc, như Ellis và Johnson [3, tr. 26] nói: “Đó là những người học có kiến thức về nội dung chuyên ngành và có khả năng mang kiến thức đó vào lớp học”. Vì vậy, giáo viên TACN sẽ là các chuyên gia trong việc trình bày và giải thích ngôn ngữ. Bên cạnh đó, trong TACN, mục đích của việc học ngôn ngữ là cực kỳ quan trọng và nó liên quan trực tiếp đến những gì người học cần làm đối với công việc cụ thể trong tương lai. Harding [4] chỉ ra hai nét đặc trưng của TACN: ý thức về mục đích và ý thức về nghề nghiệp, và lập luận rằng trong TACN, ứng dụng thực tiễn và việc sử dụng ngôn ngữ vượt lên trên các khía cạnh khác của việc học ngôn ngữ. Từ đó, ông đã chỉ ra những vai trò chính của giáo viên giảng dạy TACN:

- Giáo viên hoặc chuyên gia tư vấn ngôn ngữ;
- Người biên soạn đề cương và cung cấp tài liệu cho khóa học;
- Nhà nghiên cứu (không chỉ thu thập tài liệu, mà còn hiểu bản chất của tài liệu chuyên ngành);
- Cộng tác viên (làm việc với giáo viên chuyên ngành và giảng dạy chuyên ngành);
- Nhà thẩm định (đánh giá thường xuyên các tài liệu và thiết kế khóa học, cũng như thiết lập các bài kiểm tra đánh giá và kiểm tra thành tích).

Tại Việt Nam, các giáo viên TACN có khối lượng công việc rất nặng. Họ thường phải đầu tư nhiều thời gian và công sức cho việc dạy tiếng Anh đối với các lớp đại cương. Thời gian phân bổ cho mỗi khóa học chỉ kéo dài khoảng 30 tiết, nhưng khối lượng kiến thức cần phải truyền đạt (bao gồm chuyên môn và ngôn ngữ) là rất lớn. Hầu như không có khóa học chuyên sâu dành cho các giáo viên TACN, nên các thầy, cô phải tự trau dồi kiến thức. Tóm lại, để tận dụng tốt nhất các nguồn lực đã đề cập ở trên khi thiết kế một giáo trình, lựa chọn tài liệu, cũng như giảng dạy các khóa học, giáo viên TACN nên có ít nhất một số kiến thức cơ bản về môn học mình giảng dạy. Quan trọng hơn, họ nên hỗ trợ và

khuyến khích học sinh chia sẻ kiến thức về môn học với các thành viên khác trong lớp và tích cực tham gia vào quá trình học tập.

2.2.2. Vai trò của giáo trình

Các khóa học TACN thường được phát triển để đáp ứng nhu cầu của người học cao hơn hoặc khác với những gì mà một khóa học TAĐC có thể cung cấp. Nội dung môn học của các sách giáo khoa được sử dụng trong các khóa học TACN được chuyên biệt hóa nhằm đáp ứng nhu cầu cụ thể của người học. Giáo viên dựa nhiều vào các cuốn sách này bởi vì lĩnh vực chuyên môn chính của họ là giảng dạy một ngoại ngữ, và không theo một chuyên ngành nhất định. Nhiều giáo viên TACN ngại thực hiện những phân tích cần thiết để tinh chỉnh giáo trình và phương pháp giảng dạy. Các giáo viên TACN khó có thể tìm được một giáo trình duy nhất trên thị trường đáp ứng đầy đủ các nhu cầu, nguyện vọng học tập, nghề nghiệp của người học, đặc biệt là khi xét theo phương pháp lấy người học làm trung tâm.

2.2.3. Vai trò của các nguồn tài liệu

Lựa chọn tài liệu phù hợp là một yếu tố cực kỳ quan trọng trong giảng dạy TACN, đại diện cho một kết quả thực tiễn của việc phát triển và cung cấp các khóa học có hiệu quả. Nếu có các tài liệu phù hợp, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cần có trong nghề nghiệp tương lai.

Một trong những vấn đề quan trọng nhất liên quan đến việc lựa chọn và biên soạn tài liệu TACN là liệu các tài liệu được lựa chọn có phải chỉ chủ yếu là TACN hay không, hay cần kết hợp giữa TAĐC và TACN.

Các tài liệu TAĐC tập trung vào kỹ năng tổng hợp nhằm giúp người sử dụng ngôn ngữ đạt mục tiêu giao tiếp hiệu quả hơn, trong khi các tài liệu chuyên ngành lại theo chủ đề tập trung vào một công việc hoặc ngành nghề cụ thể [3]. Khi được lựa chọn cẩn thận, cả tài liệu tổng quát và tài liệu chuyên ngành sẽ trang bị cho sinh viên các kỹ năng và kiến thức cần thiết, tuy nhiên các tài liệu theo chủ đề cụ thể vẫn đáp ứng tốt hơn cho các nhu cầu cá nhân của học sinh. Lüdtke và Schwienhorst [7] thực hiện một nghiên cứu và kết luận rằng các sinh viên Luật, Nhân văn, và Khoa học tự nhiên thường ủng hộ nội dung liên quan đến học tập, trong khi sinh viên thuộc khối ngành Kinh tế và Kỹ thuật dành nhiều mối quan tâm cho những nội dung liên quan đến việc làm.

Theo Skela [9], việc sử dụng giáo trình theo chủ đề cụ thể cũng chỉ ra rằng học sinh là những cá nhân với những nhu cầu, phong cách khác nhau:

- Tập trung vào việc học tập có mục đích;
- Học tập là quá trình mà người học cố gắng tìm hiểu về thông tin bằng cách giải thích hoặc đưa ra ví dụ;
- Một trong những kỹ thuật giảng dạy cơ bản là giải quyết vấn đề.

3. Thực tế áp dụng tài liệu thực tế tại lớp TACN Môi trường, Trường ĐHBK-ĐHĐN

3.1. Những kỹ năng được rèn luyện

3.1.1. Kỹ năng nghe - nói

Podcast trực tuyến là công cụ sáng tạo để học tiếng Anh giao tiếp. Đó là một chương trình âm thanh cần được đăng ký và thường miễn phí. Người học có thể nghe trên máy

tính, điện thoại hay một số thiết bị công nghệ cao. Podcast được cho là lựa chọn tốt nhất bởi vì sinh viên có thể nghe chúng ở bất cứ nơi nào bên ngoài lớp học - trên đường phố, trên phương tiện giao thông công cộng hoặc ở nhà.

Podcast đặc biệt có lợi cho người học tiếng Anh vì nó cung cấp phương tiện để sinh viên có thể tiếp cận các nguồn nghe thực tế với hầu hết các chủ đề mà họ có thể quan tâm. Giáo viên có thể tận dụng các podcast trên trang web <http://www.esppodcast.libsyn.com> làm cơ sở cho các bài tập nghe hiểu về chủ đề của từng bài học như: *overpopulation (tình trạng dân số quá tải)*, *urbanization (đô thị hóa)*, *water use and pollution (tình trạng sử dụng nước và ô nhiễm nguồn nước)*, *air pollution (ô nhiễm không khí)* v.v., từ đó yêu cầu sinh viên vận dụng những thông tin đã nghe được để thảo luận theo cặp, hoặc trình bày lại những thông tin đó.

Bên cạnh đó, một nguồn nghe hữu ích là từ trang <http://www.ted.com>. TED là một tổ chức có sứ mệnh phổ biến ý tưởng từ nhiều chủ đề khoa học đến kinh doanh hay các vấn đề trên toàn cầu dưới hình thức các bài nói ngắn, thường không dài hơn 18 phút. Thời lượng diễn thuyết và các bài giảng học thuật trong TED cho phép các giảng viên TACN sử dụng cả trong và ngoài lớp học như là nguồn tài liệu cho sinh viên phát triển kỹ năng nghe và nói, cũng như năng lực văn hoá của họ nếu biết vận dụng hợp lý. Các cuộc đàm phán của TED hiện được công nhận là một tài nguyên quan trọng trong giảng dạy tình huống và đặc biệt trong giảng dạy ngôn ngữ [10]. Phần lời của TED được dùng để giúp người nghe từ trình độ tiền trung cấp trở lên phát triển nhiều kỹ năng như cấu trúc diễn thuyết, phân biệt các thành tố chính của bài diễn thuyết với ví dụ minh họa hay các yếu tố ngoại vi và hành động ngôn từ.

Youtube.com cung cấp một nguồn tài liệu vô tận để học tiếng Anh nói chung và TACN Môi trường nói riêng. Khi tìm kiếm những đoạn phim để giảng dạy, chúng ta có thể gõ những từ khóa như “documentary”, “TV show” và những từ liên quan đến môi trường như “global warming”, “ecosystem”, “conservation”, “contamination”, “greenhouse effect”, “pollution”, “environmentally friendly”, “resources” v.v...

Hoặc giáo viên có thể vào trực tiếp các kênh khoa học vui trên Youtube.com như AsapSCIENCE, MinuteEarth, Kurzgesagt-In a Nutshell là những kênh khoa học ngắn gọn và hài hước để thu nhận kiến thức về các vấn đề môi trường. Giáo viên có thể cho sinh viên nghe chép chính tả hoặc làm bài tập điền từ, trắc nghiệm hoặc tóm tắt ý chính. Ngoài ra, lớp học có thể được chia thành nhiều nhóm, và sinh viên sẽ dịch và lồng tiếng cho đoạn phim đó.

Vì vậy, những ngữ liệu thực này bổ sung đáng kể vào nguồn tài liệu thiết yếu cho giảng viên giảng dạy TACN, đặc biệt là khi người học có ít cơ hội đề tương tác ngoại ngữ bên ngoài lớp học.

3.1.2. Kỹ năng đọc - viết

Theo Dudley-Evans và John [2], khi bàn luận về mục đích của việc giảng dạy ngoại ngữ chuyên ngành, một trong những nhiệm vụ của giáo viên chuyên ngành là kiểm tra xem liệu học viên đã hiểu thuật ngữ chuyên ngành xuất hiện trong văn bản đó hay chưa. Việc học các thuật ngữ

liên quan đến chuyên ngành giúp sinh viên có đủ vốn từ vựng để đọc hiểu các tài liệu chuyên ngành. Ngoài ra, từ việc làm những dạng bài tập đọc hiểu, sinh viên sẽ được làm quen với văn phong thường gặp trong tài liệu chuyên ngành của mình.

Từ các nguồn nghe như ở trên đã đề cập, là Podcast và Ted Talks, người học có thể đọc được phần thoại dưới dạng một bài tập đọc hiểu, từ đó nâng cao khả năng học các cụm từ chuyên ngành, các ý tưởng và kiến thức về chuyên ngành của mình theo học. Sau đó, người học có thể ghi nhớ bằng cách viết ra các sơ đồ tư duy về nội dung đã đọc, hoặc theo yêu cầu của giáo viên, có thể viết lại ở dạng bài báo cáo hay một lá thư điện tử, sử dụng lại các thuật ngữ chuyên ngành và cấu trúc câu từ nguồn ngữ liệu thực này.

Hoặc với những hoạt động đơn giản hơn, giáo viên có thể yêu cầu sinh viên đem lên những bao bì thực phẩm hoặc một số đồ dùng trong gia đình có ghi thành phần bằng tiếng Anh, sinh viên xem các thành phần đó, tra cứu và xác định những sản phẩm nào có nhiều thành phần thân thiện với môi trường nhất. Sau đó, các nhóm sinh viên sẽ chọn sản phẩm mình thích nhất, viết tờ rơi quảng cáo để tuyên truyền trong lớp học.

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Nhóm tác giả đã tiến hành phát phiếu khảo sát cho 100 sinh viên năm thứ ba chuyên ngành Môi trường để lấy ý kiến phản hồi về việc sử dụng ngữ liệu thực làm nguồn tài liệu bổ sung cho lớp học TACN. Dữ liệu được thu thập thông qua các câu trả lời trong bảng câu hỏi Likert Scale.

Phiếu điều tra gồm có 10 câu hỏi với một số lựa chọn trả lời, người được khảo sát sẽ đưa ra ý kiến dựa theo 5 mức độ đồng ý/không đồng ý. Thang đo Likert được áp dụng để phân tích dữ liệu từ bảng câu hỏi, trong đó 0 = hoàn toàn không đồng ý, 1 = không đồng ý, 2 = đồng ý một phần, 3 = đồng ý, 4 = hoàn toàn đồng ý. Người điều tra đã ứng dụng Excel để thực hiện phân tích thống kê theo công thức:

$$\text{Tỉ số trung bình (X)} = \frac{0A + 1B + 2C + 3D + 4E}{N}$$

N là tổng số người trả lời;

A là số lần mà sinh viên chọn “hoàn toàn không đồng ý”;

B là số lần mà sinh viên chọn “không đồng ý”;

C là số lần mà sinh viên chọn “đồng ý một phần”;

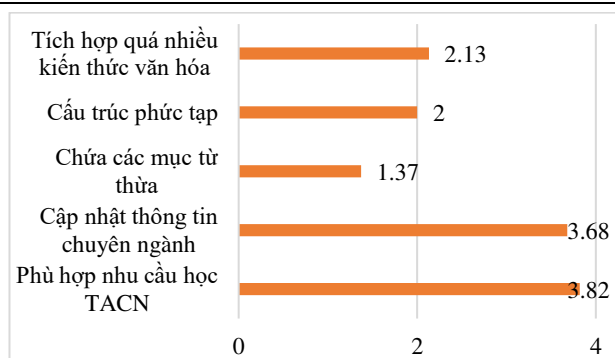
D là số lần mà sinh viên chọn “đồng ý”;

E là số lần mà sinh viên chọn “hoàn toàn đồng ý”.

Ngoài ra, dưới mỗi câu hỏi sẽ có một dòng dành để trình bày thêm ý kiến của người được phát phiếu. Những dữ liệu thu nhận sẽ được dùng để tổng hợp và phân tích thái độ của sinh viên, những thuận lợi và mặt hạn chế khi giáo viên sử dụng ngữ liệu thực trong các hoạt động giảng dạy tại lớp TACN.

3.3. Kết quả đạt được và hạn chế

Qua việc giảng dạy và phát phiếu điều tra đối với 100 sinh viên từ các lớp TACN Môi trường tại Trường ĐHBK-ĐHĐN về thái độ của các em đối với việc ứng dụng ngữ liệu thực trong việc giảng dạy TACN, nhóm tác giả đã thu được những kết quả như sau:



Hình 1. Quan điểm của sinh viên về việc áp dụng ngữ liệu thực trong việc giảng dạy TACN

Về tổng quan, những nguồn ngữ liệu thực này có ảnh hưởng tích cực đến động cơ học tập của sinh viên và mong muốn tìm hiểu những đặc điểm văn hoá trong những tình huống sử dụng ngôn ngữ cụ thể. Đa số sinh viên được khảo sát (3,82/4) cho rằng những tài liệu này cung cấp cho họ cơ hội tiếp xúc với ngôn ngữ thực và liên quan chặt chẽ hơn với nhu cầu học TACN. Bên cạnh đó, rất nhiều sinh viên (3,68/4) đồng ý rằng những thông tin trong nguồn ngữ liệu thực giúp họ cập nhật những ý tưởng mới, nghiên cứu mới và công nghệ mới trong chuyên ngành Môi trường mà họ đang học, qua đó thúc đẩy khả năng tìm tòi, học hỏi và nâng cao kỹ năng sử dụng ngôn ngữ. Quả thật, người học đạt được những kết quả khả quan khi giảng viên sử dụng ngữ liệu thực, vì ngữ liệu thực cho phép người học tương tác với ngôn ngữ thực, sử dụng chúng một cách tự nhiên trong giao tiếp cũng như thảo luận các vấn đề liên quan tới chuyên ngành họ đang học.

Tuy nhiên, chúng ta vẫn phải thừa nhận những hạn chế của ngữ liệu thực. Một số sinh viên cho rằng ngữ liệu thực thường chứa đựng một số mục từ thừa, không phù hợp về mặt ngữ nghĩa đối với chuyên ngành họ đang học (1,37/4). Bên cạnh đó, sinh viên cũng thừa nhận rằng cấu trúc ngôn ngữ trong ngữ liệu thực phức tạp hơn những dạng bài tập thường gặp trong giáo trình (2/4). Do đó chúng gây ra những bất lợi trong việc giảng dạy các lớp tiếng Anh có trình độ không đồng đều. Một điểm cần lưu ý là khá nhiều sinh viên đưa ra quan điểm rằng các nguồn ngữ liệu thực tích hợp quá nhiều kiến thức văn hóa, khiến cho người học mất nhiều thời gian để đọc hiểu văn bản, dẫn đến sự nản chí và thiếu tập trung trong những hoạt động ở lớp (2,13/4). Từ kết quả thu được, có một vấn đề đặt ra là khi nào ngữ liệu thực nên được giới thiệu và sử dụng trong lớp học, liệu chúng ta có thể sử dụng ngữ liệu thực đối với bất kỳ trình độ của sinh viên? Trong một lớp học TACN, trình độ của sinh viên là không đồng đều, nên việc sử dụng các ngữ liệu thực có thể khiến một số sinh viên cảm thấy thất vọng và giảm hứng thú học tập vì họ thiếu nhiều từ vựng chuyên ngành và cấu trúc tiếng Anh. Vì vậy, việc sử dụng ngữ liệu thực cũng là một thách thức đối với giảng viên vì họ phải mất rất nhiều thời gian để chuẩn bị nguồn tài liệu phù hợp với trình độ của sinh viên.

4. Kết luận và khuyến nghị

Nói chung, bằng nguồn ngữ liệu thực, người ta thường

chấp nhận ngôn ngữ xảy ra tự nhiên như giao tiếp trong ngữ cảnh người bản ngữ sử dụng. Tuy nhiên, việc chọn thời điểm phù hợp để đưa tài liệu thực tế và cách sử dụng chúng trong một lớp TACN vẫn còn nhiều tranh cãi.

Trong thập niên vừa qua, việc sử dụng các ngữ liệu thực đã trở nên ngày càng phổ biến trong các tình huống học tập khác nhau, từ TAĐC cho đến TACN. Đặc biệt trong tình huống thứ hai, nhiều giảng viên đang bắt đầu nhận ra các lợi ích được cung cấp bởi các tài liệu không bị giới hạn và có thể được áp dụng cho nhiều nhiệm vụ và mục tiêu học tập.

Để xác định và tìm kiếm tài liệu cho các khóa học TACN một cách phù hợp nhất, giảng viên sẽ phải thiết kế và tổ chức các hoạt động trong lớp học một cách sôi nổi và hiệu quả.

Để lựa chọn ngữ liệu thực một cách phù hợp nhất, giảng viên TACN có thể theo những tiêu chí sau:

- Tài liệu phù hợp với trình độ ngôn ngữ, lứa tuổi của người học, mức độ quan tâm và mức độ sử dụng ngôn ngữ.
- Tài liệu phù hợp với hoàn cảnh xã hội và những vấn đề môi trường nổi bật tại địa phương.
- Tài liệu chứa các ví dụ về chủ đề, cấu trúc và thuật ngữ chuyên ngành của bài học, minh họa việc sử dụng đúng ngôn ngữ theo cách người học tiếng Anh có thể nghe và sử dụng.
- Sử dụng ngữ liệu thực để khuyến khích người học nghe và đọc các nguồn thông tin liên quan đến ngành nghề và sở thích của họ. Việc sử dụng tài liệu hỗ trợ nghe nhìn của sinh viên cần được khuyến khích vì nó giúp các sinh viên còn yếu kém khả năng nghe tránh được sự chán nản, tự ti.

Qua những khuyến nghị trên, nhóm tác giả hy vọng rằng sinh viên và giảng viên có thể sử dụng ngữ liệu thực như một phương tiện để liên kết môi trường học thuật với thực tế sử dụng nhằm giúp sinh viên tự tin giao tiếp bằng tiếng Anh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Carver. D., "Some Propositions about ESP", *ESP Journal*, 2(2), 1983, pp. 131-137.
- [2] Dudley-Evans, T., & John. M. J., *Developments in English for Specific Purposes: A Multi-disciplinary Approach*, Cambridge: CUP, 2009.
- [3] Ellis. M., & Johnson. C., *Teaching Business English*, Hong Kong: Oxford University Press, 1994.
- [4] Harding. K., *English for Specific Purposes*, Oxford: Oxford University Press, 2007.
- [5] Hutchinson. T., & Waters. A., *English for Specific Purposes: A Learner-Centered Approach*, Cambridge: Cambridge University Press, 1987.
- [6] Johns. Ann M., & Dudley-Evans. T., *English for Specific Purposes: International in Scope, Specific in Purpose*, *TESOL Quarterly*, 25(2), 1991, pp. 297-314.
- [7] Lüdtke. S. & Schwienhorst. K., *Language Centre Needs Analysis*, Frankfurt: Peter Lang, 2010.
- [8] Robinson. P., *ESP Today: A Practitioner's Guide*, Hemel Hempstead: Prentice Hall International, 1991.
- [9] Skela, J., *Evaluating English Language Textbooks from the Perspective of Cognitive Learning Theory*, Ljubljana: Tangram, 2008.
- [10] Takaesu A., "TED Talks as an Extensive Listening Resource for EAP Students", *Language Education in Asia*, 4, 2013, pp. 150-162.
- [11] Wallace C., *Reading*, Oxford: Oxford University Press, 1992.